

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/DS-PT

Ngày 27/12/2023

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử và ông Lê Quốc Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 83/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị D, địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Văn C, địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Do có kháng cáo của ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị T là bị đơn.

NỘI D V U Á N:

(1) Nguyên đơn bà Vũ Thị D trình bày:

Ngày 17/01/2023, bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk

Nông có vay của bà Vũ Thị D số tiền 205.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, mục đích vay là để đảo hạn Ngân hàng.

Cùng ngày 17/01/2023, bà T tiếp tục vay của bà D số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương 6%/tháng), mục đích vay để đầu tư vào vườn rẫy.

Hai giấy vay thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 26/01/2023. Đến hạn trả nợ nhưng bà T không trả gốc và lãi như thỏa thuận mặc dù bà D đã đòi nợ nhiều lần. Do vậy, bà D khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh L (chồng bà T) và bà T phải trả số tiền 02 lần vay tổng cộng là 240.500.000 đồng và lãi suất là 1,66%/ 1 tháng tính từ ngày 26/01/2023 (âm lịch) đến khi trả nợ xong.

(2) Bị đơn ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị T trình bày:

Thừa nhận có vay nhưng chỉ vay hai lần cụ thể: Lần 1, ngày 25/01/2020 (âm lịch) bà T vay của bà D số tiền 10.000.000 đồng; Lần 2 ngày 01/3/2021 vay số tiền 20.000.000 đồng.

Lãi suất các khoản vay trên là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương đương với mức lãi suất 6%/ 1 tháng).

Bà T đã trả lãi cho bà D 02 lần cụ thể: Lần 1 ngày 26/12/2021 trả lãi 3.500.000 đồng; Lần 2 ngày 17/01/2023 trả lãi 7.000.000 đồng.

Số tiền còn lại bà D nói chuyển tiền vay và ghi vào tờ giấy in sẵn tính gốc và lãi bà T còn nợ bà D số tiền 35.000.000 đồng và bà T cũng thừa nhận chữ ký của mình trong giấy vay tiền này.

Đối với khoản vay số tiền 205.000.000 đồng, bà T không biết bà D tính gốc và lãi như thế nào nhưng do giáp tết bà D yêu cầu nên bà T đã ký vào giấy vay số tiền 205.000.000 đồng, khi ký giấy vay không có người làm chứng và cũng không có chứng cứ chứng minh, thực tế bà T không vay số tiền này của bà D.

Việc bà D khởi kiện yêu cầu ông L, bà phải trả số tiền vay 02 lần tổng cộng là 240.500.000 đồng và lãi suất là 1,66%/ 1 tháng kể từ ngày 26/01/2023 (âm lịch) thì ông L, bà T không đồng ý vì khoản vay 30.000.000 đồng đã trả lãi hai lần tổng cộng là 10.500.000 đồng, sau đó bà D ghi lại giấy vay 35.000.000 đồng nhưng do có nợ nên ký, khi vay và khi trả lãi không làm giấy tờ gì, không có người làm chứng và cũng không có chứng cứ chứng minh. Bà T, ông L đồng ý trả bà D, ông Triều khoản vay số tiền 30.000.000 đồng, trừ đi số tiền đã trả lãi 2 lần là 10.500.000 đồng còn lại 19.500.000 đồng. Đối với khoản vay số tiền 205.000.000 đồng do không vay nên ông L và bà T không đồng ý trả.

(3) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Triều trình bày:

Ông Triều đồng ý như đơn khởi kiện của bà Vũ Thị D, yêu cầu ông L và bà T phải trả số tiền 02 lần vay tổng cộng là 240.500.000 đồng và lãi suất là 1,66%/ 1 tháng kể từ ngày 26/01/2023 (âm lịch) đến khi trả nợ xong.

Tại bản án số: 44/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị D đối với bị đơn ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Vũ Thị D và ông Trương Văn Triều số tiền 268.047.000đ (Hai trăm bảy mươi ba triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), (trong đó số tiền gốc vay là 240.500.000 đồng và tiền lãi là 27.546.870 đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/9/2023 ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX bác kháng cáo; bị đơn vẫn giữ nguyên nội D kháng cáo và cho rằng chỉ vay số tiền 30.000.000 đồng trước đó, trừ đi số tiền đã trả lãi 2 lần là 10.500.000 đồng còn lại 19.500.000 đồng. Đối với khoản vay số tiền 205.000.000 đồng do không vay nên ông L và bà T không đồng ý trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội D*: Sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị T, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị T nộp trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội D:

[2.1]. *Xét yêu cầu kháng cáo của ông L và bà T về việc không thừa nhận có khoản vay 02 lần tổng cộng là 240.500.000 đồng ngày 17/1/2023 và cho rằng giấy vay không có chữ ký của ông L nên ông, bà không đồng ý trả khoản nợ này. Hội đồng xét xử xét thấy:*

Theo 02 “Giấy vay tiền” đề ngày 17/1/2023 (Đl) do phía nguyên đơn cung cấp thể hiện nội D bà D có cho bà T vay tổng cộng số tiền 240.500.000 đồng, cụ thể: Theo giấy vay thứ nhất số tiền 205.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả là 26/01/2023 (Al), mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng; cùng ngày, bà D tiếp tục cho bà T vay số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất 2.000đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, mục đích vay để đầu tư vào vườn rẫy. Hai giấy vay này đều có chữ ký của bà T và được bà T thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án nên đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự thì giao dịch vay tiền giữa bà D với bà T đủ kiện kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bên vay khi đến hạn. Do đó, hợp đồng vay tài sản này là hợp pháp. Đến hạn trả nợ mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở trả nợ nhưng bà T không trả nên đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự 2015.

Xét thấy, mặc dù các khoản vay này không có chữ ký của ông L nhưng tại 02 giấy vay này đều ghi rõ mục đích của việc vay tiền là “đầu tư vào vườn rẫy” và “Đề đáo hạn Ngân hàng”. Hai người là vợ chồng, sinh sống cùng nhau và việc vay tiền nhằm mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Như vậy, việc ông L kháng cáo cho rằng không được đứng tên trong giấy vay nên không đồng ý trả khoản vay này là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L cùng bà T có nghĩa vụ trả khoản tiền vay nêu trên cho phía nguyên đơn là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.3]. *Về lãi suất của hợp đồng vay, Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo 02 “giấy vay tiền” phía nguyên đơn cung cấp đối với khoản vay 205.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng và khoản vay 35.000.000 đồng, lãi suất 2.000đồng/1.000.000 đồng/1 ngày là vượt quá mức lãi suất mà pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, bà D chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/1 tháng là phù hợp và Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất và buộc bị đơn phải trả số tiền lãi trên nợ gốc là 27.546.870 đồng là có căn cứ.

[3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên tại cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng khoản 2 Điều 92, Điều 117, Điều 351, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị D đối với ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị T. Buộc ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Vũ Thị D số tiền 268.047.000đ (*Hai trăm bảy mươi ba triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*), trong đó số tiền gốc vay là 240.500.000 đồng và tiền lãi là 27.546.870 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị T phải nộp 13.402.000đ (*mười ba triệu, bốn trăm linh hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Vũ Thị D số tiền 6.013.000đ (*Sáu triệu, không trăm mười ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Tuyết đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005448 ngày 20/7/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2.2. *Án phí dân sự phúc thẩm:* Ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000855 và số 0000856, ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Lê Văn Hữu